

**UBND HUYỆN LÊ THUY
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/TCKH-NS
V\ công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm 2018

Lê Thuy, ngày 10 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 của huyện trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

(Chi tiết có thuyết minh và Phụ lục kèm theo)

Đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp thực hiện./...*nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT. các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.



Nguyễn Đình Hòa

**NỘI DUNG CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ
TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 HUYỆN LỆ THỦY**
(Kèm theo Công văn số 162 /TCKH-NS ngày 10/7/2018 của
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

1. Thu ngân sách

Để đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2018, với tinh thần phấn đấu, nỗ lực và quyết tâm cao, ngay từ đầu năm UBND huyện đã triển khai quyết liệt các giải pháp để tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2018, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không kể khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh): 112.621 triệu đồng, đạt 86,66% so với kế hoạch giao, bằng 117,36% so với cùng kỳ. Trong đó, các khoản thu trong cân đối không kể nguồn thu cấp quyền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng 56.228 triệu đồng, đạt 95,54% so với kế hoạch giao, bằng 185,2% so với cùng kỳ, cụ thể:

- Thuế ngoài quốc doanh: 21.177 triệu đồng, đạt 74,31% so với KH giao, gồm:

Thuế giá trị gia tăng: 12.765 triệu đồng, đạt 52,5% so với KH giao

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.533 triệu đồng, đạt 76,65% so với KH giao

Thuế tiêu thụ đặc biệt: 58 triệu đồng, đạt 48,74% so với KH giao

Thuế tài nguyên: 6.780 triệu đồng, đạt 433,2% so với KH giao

Thu khác về thuế NQD: 41 triệu đồng, đạt 8,2% so với KH giao

- Lệ phí trước bạ: 8.197 triệu đồng, đạt 51,23% so với KH giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 6 tháng: 39 triệu đồng, đạt 78,0% so với KH giao.

- Tiền thuê đất: 6.052 triệu đồng, đạt 242,08% so với KH giao.

- Thu cấp quyền sử dụng đất: 47.117 triệu đồng, đạt 69,29% so với KH giao.

Đối với khoản thu này, theo kế hoạch HĐND huyện giao đầu năm là 68 tỷ đồng, tuy nhiên, thực hiện theo Công văn số 429/UBND-KTTH ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh, UBND huyện đã giao chỉ tiêu phần đầu thu tiền sử dụng đất cho các xã, thị trấn với số tiền 100 tỷ đồng tại Công văn số 849/UBND-TCKH ngày 24/4/2018.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 9.567 triệu đồng, đạt 4.783% so với KH giao. Khoản thu này đạt cao là do tỉnh cấp phép và quản lý thu đối với các doanh nghiệp có khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện và được điều tiết cho ngân sách huyện theo quy định.

- Thu phí, lệ phí: 9.804 triệu đồng, đạt 398,4% so với KH giao. Khoản thu này đạt cao so với kế hoạch giao là do thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tỉnh quản lý được điều tiết một phần về ngân sách huyện.

- Thuế thu nhập cá nhân: 2.157 triệu đồng, đạt 56,76% so với KH giao.

- Thu khác ngân sách: 5.970 triệu đồng, đạt 82,92% so với KH giao (trong đó thu phạt an toàn giao thông 492 triệu đồng, đạt 32,8% so với KH giao)

- Thu đóng góp: 2.541 triệu đồng.

Tổng thu NSDP 6 tháng đầu năm 2018 (bao gồm thu từ ngân sách tỉnh): 683.369 triệu đồng

(Chi tiết thu ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 01 kèm theo)

* Nhìn chung, thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 đạt được kết quả tích cực thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, đơn vị, các xã, thị trấn đã xác định được tầm quan trọng của công tác thu ngân sách nên đã tập trung chỉ đạo triển khai giao dự toán thu sớm, chi tiết đến từng chỉ tiêu, thường xuyên nắm bắt tình hình để đôn đốc thu nộp, chống thất thu thuế, trốn lậu thuế, khai thác mọi nguồn thu để nộp vào ngân sách theo quy định.

Đến ngày 30/6/2018 đã có 6 xã thu đạt và vượt so với KH giao, gồm: Hoa Thủy đạt 104,4%; Phong Thủy đạt 103,3%; Liên Thủy đạt 159,1%; Mai Thủy đạt 362,5%; Hồng Thủy đạt 122,6%; Ngư Thủy Nam đạt 314,6% (chủ yếu thu tiền cấp quyền sử dụng đất).

* Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại trong công tác thu ngân sách như sau:

- Một số xã, thị trấn thực hiện dự toán thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm đạt tỷ lệ thấp so với KH giao như: An Thủy; Lộc Thủy; Tân Thủy; Cam Thủy; Ngư Thủy Bắc; Ngư Thủy Trung...

- Một số xã, thị trấn chưa tích cực thu các khoản thu như phí, hoa lợi công sản, thu phạt... nên khoản thu này còn đạt thấp, trong đó có một số xã, thị trấn đến 30/6 vẫn chưa có số thu.

- Tỷ lệ điều tiết một số khoản thu chưa hợp lý như thuế GTGT, tiền thuê đất gây khó khăn trong công tác chỉ đạo thu ngân sách của huyện.

- Đối với khoản thu tiền sử dụng đất: Phần điều tiết cho ngân sách huyện còn đạt thấp do thu tiền sử dụng đất tại thị trấn Kiến Giang và thị trấn Nông trường Lệ Ninh còn đạt thấp so với kế hoạch, trong khi phải dành để bố trí trả nợ vốn đã ứng từ quỹ Phát triển đất của tỉnh để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng tạo quỹ đất trên địa bàn 2 thị trấn; một số xã, thị trấn, đơn vị chưa tích cực triển khai công tác đấu giá cấp quyền sử dụng đất theo kế hoạch, tiến độ của UBND huyện giao dẫn đến khoản thu này chưa có số thu, chưa đạt kế hoạch đã được HĐND huyện giao đầu năm.

2. Chi ngân sách

Năm 2018 là năm thứ 2 của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, theo đó các định mức chi cơ bản ổn định như năm 2017. Việc điều hành chi ngân sách huyện và ngân sách các xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2018 đã thực hiện theo hướng triệt để tiết kiệm, trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương và bám sát dự toán HĐND huyện giao đầu năm, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.



Tổng chi NS địa phương thực hiện 6 tháng (không bao gồm chi chuyển giao cho ngân sách cấp xã): 394.620 triệu đồng, đạt 55,78% so với dự toán giao. Trong đó, chi ngân sách cấp huyện: 300.094 triệu đồng; chi ngân sách cấp xã: 94.526 triệu đồng.

Một số nhiệm vụ chi chủ yếu như sau:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện 6 tháng đầu năm: 101.233 triệu đồng/KH 82.714 triệu đồng, đạt 122,39% so với KH giao. Trong đó: ngân sách huyện 83.910 triệu đồng, đạt 229,27% KH giao; ngân sách xã, thị trấn 17.323 triệu đồng, đạt 37,56% so với KH giao.

Đối với ngân sách cấp huyện, chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt cao so với kế hoạch giao là do chi bổ sung từ các nguồn không có trong kế hoạch vốn giao đầu năm như: vốn sự nghiệp; kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu; chi từ nguồn chuyển nguồn XDCB năm 2017 sang năm 2018,...

Đối với ngân sách cấp xã, dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 từ nguồn thu đấu giá cấp quyền sử dụng đất theo phân cấp được hưởng là 46.115 triệu đồng. Tuy nhiên, hiện nay nguồn thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất của một số xã, thị trấn chưa đạt kế hoạch giao nên chi đầu tư của các xã, thị trấn còn thấp so với kế hoạch giao.

2.2. Chi thường xuyên: Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018: 287.981 triệu đồng, đạt 47,01% so với KH giao. Cụ thể:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 12.934 triệu đồng, đạt 23,35% so với KH giao. Khoản chi này đạt thấp so với dự toán giao do UBND huyện đã bố trí từ nguồn này để chi đầu tư (chủ yếu hỗ trợ phát triển đất trồng lúa) với số tiền 11.202 triệu đồng, trả nợ KCH kênh mương: 8.643 triệu đồng

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 132.787 triệu đồng, đạt 42,38% so với KH giao.

Các chế độ phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp, trợ cấp cho giáo viên vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; chế độ cấp bù học phí cho các trường, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi, hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật... đã được thực hiện kịp thời, đúng chế độ quy định.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số: 18.845 triệu đồng, đạt 34,31% so với KH giao. Các chế độ bảo hiểm y tế của các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng trong công tác khám chữa bệnh. Khoản chi này đạt thấp là do trên địa bàn huyện có một số xã không thuộc vùng có điều kiện khó khăn so với giai đoạn trước dẫn đến các đối tượng thuộc vùng khó khăn được cấp thẻ BHYT giảm so với dự toán tình giao đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao: 2.142 triệu đồng, đạt 44,54% so với KH giao.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 896 triệu đồng, đạt 75% so với KH giao. Khoản chi này đạt tỷ lệ cao là do tỉnh bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị truyền thanh.

- Chi đảm bảo xã hội: 38.277 triệu đồng, đạt 84,96% so với KH giao. Các chính sách an sinh xã hội, thực hiện Luật Người cao tuổi, chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/NĐ-CP của Chính phủ, chi trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định số 2409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chi trả trợ cấp cho cán bộ xã nghỉ việc... được đảm bảo kịp thời, đúng chế độ quy định. Khoản thu này đạt cao là do trong 6 tháng đầu năm tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng với số tiền 22.591 triệu đồng.

- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 72.208 triệu đồng, đạt 59,35% KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp như phụ cấp công vụ, các chế độ phụ cấp công tác đảng, đoàn thể, phụ cấp thâm niên nghề, chính sách thực hiện đề án 500... đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi an ninh: 1.368 triệu đồng, đạt 82,26% so với KH giao. Khoản chi ngày đạt cao là do tỉnh bổ sung kinh phí phục vụ công tác đảm bảo thu phạt trên địa bàn 300 triệu đồng, huyện bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh về công tác đảm bảo an ninh trên địa bàn như kinh phí bảo vệ kỳ thi THPT quốc gia, làm việc với huyện Sê Pôn tỉnh Savanakhét -Lào...

- Chi quốc phòng: 4.122 triệu đồng, đạt 60,66% so với KH giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: 3.259 triệu đồng, đạt 60,9% so với KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi khác ngân sách: 1.141 triệu đồng, đạt 48,16% so với KH giao.


2.3. Chi dự phòng ngân sách huyện: Dự phòng ngân sách cấp huyện bố trí trong dự toán 9.757 triệu đồng, đến 30/6/2018 đã phân bổ 4.124 triệu đồng, đạt 42,27%. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách chủ yếu để đảm bảo an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, khắc phục sửa chữa một số công trình cấp bách trên địa bàn và một số hoạt động đột xuất cần thiết chưa được bố trí trong dự toán (Chi tiết có phụ lục số 2.1 kèm theo)

2.4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, thị trấn: 85.009 triệu đồng. Khoản chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho khối xã, thị trấn được giao theo dự toán đầu năm, các đơn vị thực hiện rút vốn bằng dự toán tại KBNN theo chế độ quy định.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chi ngân sách trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn, tồn tại cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện đó là:

- Một số đơn vị, một số xã còn chậm triển khai thực hiện, giải ngân các nguồn vốn như Chương trình MTQG xây dựng NTM, nhà ở người có công...

- Đối với nguồn kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển: một số đối tượng còn vướng mắc, khiếu kiện chưa nhận tiền theo quyết định phê duyệt của UBND huyện.

(Chi tiết chi ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 02 kèm theo) 

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số 162 /TCKH-NS ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	723.855	598.165	82,64
I	Thu cân đối ngân sách	129.950	112.621	86,7
	- Thu nội địa	129.950	112.621	86,7
	- Thu viện trợ	0	0	
II	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		101.723	
III	Thu từ ngân sách tỉnh	593.905	383.821	64,6
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	707.460	393.338	55,60
I	Tổng chi cân đối NS ĐP	707.460	393.338	55,60
1	Chi đầu tư phát triển	82.714	101.233	122,39
2	Chi thường xuyên.	612.546	287.981	47,01
3	Dự phòng	12.200	4.124	33,81
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			

Ghi chú: + Số chi có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đã chuyển vào các nhiệm vụ chi

Như

PHỤ LỤC SỐ 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 162 /TCKH-NS ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lê Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2018						Thực hiện đến 30/6/2018						Số sách/TB/DY					
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			NST	TS	NSH	Chia ra		NST	TS	NSH	Chia ra	
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra NS cấp Huyện NS cấp Xã		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra NS cấp Huyện NS cấp Xã				H	X				H	X
	723.855	16.395	707.460	545.892	161.568	683.369	15.049	668.320	515.683	152.637	94,41	91,79	94,47	94,47	94,47	94,47	94,47	94,47
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	129.950	16.395	113.555	60.594	52.961	112.621	15.049	97.572	56.921	40.651	86,66	91,79	85,92	86,66	91,79	85,92	93,94	76,76
Số thu trong cân đối không kê CQSDĐ	61.950	3.100	58.850	52.005	6.845	62.963	6.735	56.228	35.377	20.851	101,64		95,54	101,64		68,03	304,61	
A. Tổng thu cân đối	129.950	16.395	113.555	60.594	52.961	110.080	15.049	95.031	55.851	39.180	84,71	91,79	83,69	84,71	91,79	83,69	92,17	73,98
I. Thuế CTN và DV NQĐ	28.500	-	28.500	27.718	783	21.177	67	21.110	17.842	3.268	74,31		74,07	74,31		64,37	417,64	
+ GTGT	24.316		24.316	24.316		12.765	63	12.702	12.702		52,50		52,24	52,50		52,24		
+ TMDN	2.000		2.000	2.000		1.533		1.533	1.533		76,65		76,65	76,65		76,65		
+ Tiêu thụ DB	119		119	119		58		58	58		48,74		48,74	48,74		48,74		
+ Tài nguyên	1.565		1.565	783	783	6.780		6.780	3.512	3.268	433,23		433,23	433,23		433,23		
+ Thu khác	500		500	500		41	4	37	37		8,20		7,40	8,20		7,40		
2. Lệ phí trước bạ	16.000	-	16.000	15.468	532	8.197	-	8.197	7.938	259	51,23		51,23	51,23		51,23		48,68
3. Thuế SD DNN																		
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	50		50	42	8	39		39	12	27	78,00		78,00	78,00		28,37		350,65
5. Thu tiền thuê đất	2.500	1.500	1.000	1.000		6.052	1.210	4.842		4.842	242,08		80,67	242,08		484,20		
6. Thu tiền sử dụng đất	68.000	13.295	54.705	8.590	46.116	47.117	8.314	38.803	20.474	18.329	69,29		62,54	69,29		70,93		39,75
7. Thu cấp quyền khai thác	200	100	100	-	100	9.567	2.586	6.981	2.848	4.133	4.783,50		2.586,00	4.783,50		6.981,00	#DIV/0!	4.133,00
8. Thu phí và lệ phí	3.700	-	3.700	1.477	2.223	9.804	1.622	8.182	3.376	4.806	398,42		221,14	398,42		228,57		216,19
+ Phi tài nguyên	1.000		1.000	500	500	7.668	1.429	6.239	2.405	3.834								
+ Môn bài	1.200		1.200	877	413	1.347		1.347	870	477	104,42		104,42	104,42		99,20		115,50
+ Các loại phí khác	1.410	-	1.410	100	1.310	789	193	596	101	495								

NSH

Chi tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2018				Thực hiện đến 30/6/2018				Số sách (H/D)				
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			NST	TS	Trong đó		
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra NS cấp Huyện NS cấp Xã		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra NS cấp Huyện NS cấp Xã			NSH	Chia ra H	X
- Tại huyện	100		100		294	193	101	101	294,00			101,00	
- Tại xã	1.310		1.310		495		495						
9. Thuế thu nhập cá nhân	3.800		3.800		2.157		2.157		56,76			56,76	
Trong đó: - Tại thị trấn	3.800		3.800		2.157		2.157		56,76			56,76	
- Tại xã	-		-		-		-		-			-	
10. Thu khác	7.200	1.500	5.700	3.200	5.970	1.250	4.720	1.204	82,92			82,81	109,88
Trong đó: - Tại xã, thị trấn	1.260		1.260	1.260	780		780		61,90			61,90	61,90
- Hoa lợi công sản	1.940		1.940	1.940	2.736		2.736		141,03			141,03	141,03
- Tại huyện	4.000	1.500	2.500	2.500	2.454	1.250	1.204	1.204					
+ Các khoản thu khác	2.500		2.500	2.500	1.962	758	1.204	1.204					
+ Thu an toàn giao thông	1.500	1.500			492	492							
B. Các khoản thu quản lý qua NS	-	-	-	-	2.541	-	2.541	1.070					
1. Học phí	-	-	-	-	-	-	-	-					
3. Đóng góp	-	-	-	-	2.541	-	2.541	1.070					
4. Phí và thu khác không cân đối	-	-	-	-	-	-	-	-					
II. Thu kết dư ngân sách													
III. Thu chuyển nguồn													
IV. Thu bổ sung từ NS cấp trên	593.905	-	593.905	108.607	101.787	-	101.787	74.810					
1. Bổ sung cân đối	551.153		551.153	105.401	468.830		468.830	383.821	78,94			78,94	78,27
2. Bổ sung có mục tiêu	42.752		42.752	3.206	334.246		334.246	275.577	60,64			60,64	55,66
V. Thu cấp dưới nộp lên	-		-	-	134.584		134.584	108.244	314,80			314,80	821,58
	-		-	-	131		131	131					

vlb

PHỤ LỤC SỐ 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 462 /TCKH-NS ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2018	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
	TỔNG CỘNG	707.460	545.892	161.568	394.620	300.094	94.526	55,78	54,97	58,51
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	82.714	36.599	46.115	101.233	83.910	17.323	122,39	229,27	37,56
	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				21.303	17.446	3.857			
II	Chi thường xuyên	612.546	499.536	113.010	287.981	212.060	75.921	47,01	42,45	67,18
1	Chi sự nghiệp kinh tế	55.396	37.477	17.919	12.934	2.656	10.278	23,35	7,09	57,36
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	313.326	313.326		132.787	132.787		42,38	42,38	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số	54.931	54.931		18.847	18.827	20	34,31	34,27	
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT	4.809	3.533	1.276	2.142	1.897	245	44,54	53,69	19,20
5	Chi sự nghiệp phát thanh	1.197	1.197		896	896		74,85	74,85	
6	Chi đảm bảo XH	45.054	37.210	7.844	38.277	25.803	12.474	84,96	69,34	159,03
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	121.655	42.058	79.597	72.208	20.750	51.458	59,35	49,34	64,65
8	Chi an ninh	1.663	720	943	1.368	986	382	82,26	136,94	40,51
9	Chi quốc phòng	6.795	2.138	4.657	4.122	3.058	1.064	60,66	143,03	22,85
10	Chi sự nghiệp môi trường	5.351	4.577	774	3.259	3.259		60,90	71,20	
11	Chi khác ngân sách	2.369	2.369		1.141	1.141		48,16	48,16	
III	Dự phòng ngân sách	12.200	9.757	2.443	5.406	4.124	1.282	44,31	42,27	52,46

Handwritten signature